

DANH MỤC THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 10 NĂM 2025

Từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/10/2025

(Kèm theo QĐ số: 28/QĐ-THCC2, ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú học kỳ I năm học 2025-2026)

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 10/2025)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	24,00	137.000	3.288.000	Bữa Tối
	2	Gỏi gia vị thịt kho tàu	Gói	10,00	10.000	100.000	Thịt lợn kho tàu
	3	Quả su su	Kg	19,96	20.000	399.200	Canh su su
	4	Hành lá	Kg	0,60	60.000	36.000	
	5	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	7	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,40	60.000	24.000	
	8	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	65.000	13.000	
	9	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.300	1.568.800	Phát sau bữa cơm tối
Tổng						5.476.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 10/2025)	1	Mì tôm Kokomi 65g	Gói	296	3.500	1.036.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	30,00	137.000	4.110.000	Mì tôm
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	25.000	500.000	Bữa Trưa
	4	Quả su su	Kg	20,00	20.000	400.000	Thịt lợn nấu đậu phụ rán
	5	Trứng vịt	Kg	296,00	4.500	1.332.000	
	6	Chả cá	Kg	20,00	120.000	2.400.000	Canh su su
	7	Cà chua	Kg	5,00	35.000	175.000	Bữa Tối
	8	Rau bắp cải trắng	Kg	20,11	20.000	402.200	Chả cá sốt cà chua
	9	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Trứng luộc
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh rau bắp cải
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	3,00	60.000	180.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.300	1.568.800	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.284.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 10/2025)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	23,50	137.000	3.219.500	Xôi nếp đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	16,00	25.000	400.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	19,00	20.000	380.000	Thịt lợn nấu đậu phụ rán
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	39,00	105.000	4.095.000	
	6	Gừng	Kg	0,50	45.000	22.500	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	10,00	20.000	200.000	
	8	Quả bí xanh	Kg	19,50	18.000	351.000	Bữa Tối
	9	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Gà rang gừng
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Su su xào lòng gà
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Canh bí xanh
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	3,00	60.000	180.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	296,00	5.000	1.480.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.284.000	

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 01; 08; 15; 22; 29 Tháng 10/2025)	1	Mì tôm Kokomi 65g	Gói	296	3.500	1.036.000	Bữa Sáng
	2	Trứng vịt	Kg	296,00	4.500	1.332.000	Mì tôm
	3	Giò nạc lợn (giò lụa)	Kg	16,00	160.000	2.560.000	Bữa Trưa
	4	Đỗ quả	Kg	4,00	30.000	120.000	Xào thập cẩm Giò
	5	Cà rốt	Kg	5,00	25.000	125.000	nạc lợn + Đỗ quả +
	6	Rau bắp cải trắng	Kg	20,61	20.000	412.200	Cà rốt
	7	Thịt nạc bò bì	Kg	16,00	165.000	2.640.000	Trứng ốp la
	8	Quả su su	Kg	15,00	20.000	300.000	Canh rau bắp cải
	9	Trứng vịt	Kg	296,00	4.500	1.332.000	Bữa Tối
	10	Quả bí đỏ	Kg	21,00	18.000	378.000	Thịt nạc xào su su
	11	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Trứng luộc
	12	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí đỏ
	13	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	14	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	5,00	60.000	300.000	
	15	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	16	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.300	1.568.800	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.284.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 10/2025)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	23,50	137.000	3.219.500	Xôi nếp đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	16,00	25.000	400.000	Bữa trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	19,00	20.000	380.000	Thịt lợn nấu đậu phụ
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	39,00	105.000	4.095.000	rán
	6	Gừng	Kg	0,50	45.000	22.500	Canh rau bắp cải
	7	Quả su su	Kg	10,00	20.000	200.000	Bữa Tối
	8	Quả bí xanh	Kg	19,50	18.000	351.000	Gà rang gừng
	9	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Su su xào lòng gà
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí xanh
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	3,00	60.000	180.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	296,00	5.000	1.480.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.284.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 10/2025)	1	Bánh mì Thảo Nguyên (100gam)	Cái	296	5.000	1.480.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	18,00	137.000	2.466.000	Bánh mỳ
	3	Gói gia vị thịt kho tàu	Gói	5,00	10.000	50.000	Bữa trưa
	4	Trứng vịt	Kg	150,00	4.500	675.000	Thịt lợn kho tàu
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	16,41	20.000	328.200	Trứng rán hành lá
	6	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Canh rau bắp cải
	7	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	8	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	9	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	2,00	60.000	120.000	
	10	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	65.000	13.000	
	11	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.300	1.568.800	Phát sau bữa cơm trưa
Tổng						6.808.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Đức Thiện

TRƯỜNG ĐƠN VỊ
PTDTBT
TIỂU HỌC
CHUNG CHÁI
SỐ 2

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 10 NĂM 2025

Thứ 3 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 10/2025)

(Kèm theo QĐ số: 28/QĐ-THCC2, ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 10/2025: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 10/2025: 22,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 3: 41.500 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho ngày Thứ 3: $41.500 \times 296 = 12.284.000$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 10/2025)	1	Xôi nếp đỏ (200gam)	Gói	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn móng, vai, ba chỉ	Kg	23,50	137.000	3.219.500	Xôi nếp đỏ
	3	Đậu phụ	Kg	16,00	25.000	400.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	19,00	20.000	380.000	Thịt lợn nấu đậu phụ rán
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	39,00	105.000	4.095.000	Canh rau bắp cải
	6	Gừng	Kg	0,50	45.000	22.500	
	7	Quả su su	Kg	10,00	20.000	200.000	Bữa Tối
	8	Quả bí xanh	Kg	19,50	18.000	351.000	Gà rang gừng
	9	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Su su xào lòng gà
	10	Muôi biên sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí xanh
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	3,00	60.000	180.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	296,00	5.000	1.480.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.284.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
PTDTBT
TIỂU HỌC
CHUNG CHẢI
SỐ 2

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 10 NĂM 2025

Thứ 5 (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 10/2025)

(Kèm theo QĐ số: 28/QĐ-THCC2, ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 10/2025: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 10/2025: 22,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 5: 41.500 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho ngày Thứ 5: $41.500 \times 296 = 12.284.000$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 02; 09; 16; 23; 30 Tháng 10/2025)	1	Xôi nếp đỗ (200gam)	Gói	296	6.000	1.776.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mỡ, vai, ba chỉ	Kg	23,50	137.000	3.219.500	Xôi nếp đỗ
	3	Đậu phụ	Kg	16,00	25.000	400.000	Bữa trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	19,00	20.000	380.000	Thịt lợn nấu đậu phụ rán
	5	Gà công nghiệp còn sống	Kg	39,00	105.000	4.095.000	Canh rau bắp cải
	6	Gừng	Kg	0,50	45.000	22.500	
	7	Quả su su	Kg	10,00	20.000	200.000	Bữa Tối
	8	Quả bí xanh	Kg	19,50	18.000	351.000	Gà rang gừng
	9	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Su su xào lòng gà
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh bí xanh
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	3,00	60.000	180.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa izzi 110ml	Hộp	296,00	5.000	1.480.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.284.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 10 NĂM 2025

Chủ Nhật (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 10/2025)

(Kèm theo QĐ số: 28/QĐ-THCC2, ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 10/2025: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 10/2025: 22,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: 18.500 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho bữa tối của ngày Chủ Nhật: $18.500 \times 296 = 5.476.000$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 10/2025)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	24,00	137.000	3.288.000	Bữa Tối
	2	Gói gia vị thịt kho tàu	Gói	10,00	10.000	100.000	Thịt lợn kho tàu
	3	Quả su su	Kg	19,96	20.000	399.200	Canh su su
	4	Hành lá	Kg	0,60	60.000	36.000	
	5	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	7	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,40	60.000	24.000	
	8	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	65.000	13.000	
	9	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.300	1.568.800	Phát sau bữa cơm tối
	Tổng					5.476.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 10 NĂM 2025

Thứ 2 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 10/2025)

(Kèm theo QĐ số: 28/QĐ-THCC2, ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú)

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 10/2025: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 10/2025: 22,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 2: 41.500 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho ngày Thứ 2: $41.500 \times 296 = 12.284.000$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 10/2025)	1	Mì tôm Kokomi 65g	Gói	296	3.500	1.036.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mỡ, vai, ba chỉ	Kg	30,00	137.000	4.110.000	Mì tôm
	3	Đậu phụ	Kg	20,00	25.000	500.000	Bữa Trưa
	4	Quả su su	Kg	20,00	20.000	400.000	Thịt lợn nấu đậu phụ rán
	5	Trứng vịt	Kg	296,00	4.500	1.332.000	Canh su su
	6	Chả cá	Kg	20,00	120.000	2.400.000	
	7	Cà chua	Kg	5,00	35.000	175.000	Bữa Tối
	8	Rau bắp cải trắng	Kg	20,11	20.000	402.200	Chả cá sốt cà chua
	9	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Trứng luộc
	10	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh rau bắp cải
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	3,00	60.000	180.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.300	1.568.800	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						12.284.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 10 NĂM 2025

Thứ 4 (Ngày 01; 08; 15; 22; 29 Tháng 10/2025)

(Kèm theo QĐ số: 28/QĐ-THCC2, ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 10/2025: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 10/2025: 22,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 4: 41.500 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho ngày Thứ 4: $41.500 \times 296 = 12.284.000$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 01; 08; 15; 22; 29 Tháng 10/2025)	1	Mì tôm Kokomi 65g	Gói	296	3.500	1.036.000	Bữa Sáng
	2	Trứng vịt	Kg	296,00	4.500	1.332.000	Mì tôm
	3	Giò nạc lợn (giò lụa)	Kg	16,00	160.000	2.560.000	Bữa Trưa
	4	Đồ quả	Kg	4,00	30.000	120.000	Xào thập cẩm Giò nạc lợn + Đồ quả + Cà rốt
	5	Cà rốt	Kg	5,00	25.000	125.000	
	6	Rau bắp cải trắng	Kg	20,61	20.000	412.200	
	7	Thịt nạc bò bì	Kg	16,00	165.000	2.640.000	Trứng ốp la
	8	Quả su su	Kg	15,00	20.000	300.000	Canh rau bắp cải
	9	Trứng vịt	Kg	296,00	4.500	1.332.000	Bữa Tối
	10	Quả bí đỏ	Kg	21,00	18.000	378.000	
	11	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	
	12	Muôi biên sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	2,00	12.000	24.000	Thịt nạc xào su su
	13	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Trứng luộc
	14	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	5,00	60.000	300.000	Canh bí đỏ
	15	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	65.000	26.000	Phát sau giờ ngủ trưa
	16	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.300	1.568.800	
Tổng						12.284.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập

DANH MỤC THỰC ĐƠN CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 10 NĂM 2025

Thứ 6 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 10/2025)

(Kèm theo QĐ số: 28/QĐ-THCC2, ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt danh mục thực đơn bữa ăn cho học sinh bán trú

Tổng số HSBT: 296 em.

Tổng số tiền ăn tháng 10/2025: $296 \times 936.000 = 277.056.000$ đ

Tổng số ngày ăn Tháng 10/2025: 22,5 ngày ăn

Số tiền ăn của 1 HSBT cho ngày Thứ 6: 23.000 đ/HSBT

Tổng số tiền ăn của 296 HSBT cho ngày Thứ 6: $23.000 \times 296 = 6.808.000$ đ

Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 03; 10; 17; 24; 31 Tháng 10/2025)	1	Bánh mì Thảo Nguyên (100gam)	Cái	296	5.000	1.480.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mỡ, vai, ba chỉ	Kg	18,00	137.000	2.466.000	Bánh mỳ
	3	Gỏi gia vị thịt kho tàu	Gói	5,00	10.000	50.000	Bữa trưa
	4	Trứng vịt	Kg	150,00	4.500	675.000	Thịt lợn kho tàu
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	16,41	20.000	328.200	Trứng rán hành lá
	6	Hành lá	Kg	1,00	60.000	60.000	Canh rau bắp cải
	7	Muối biển sạch Hạnh Huệ (700g)	Gói	1,00	12.000	12.000	
	8	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	9	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	2,00	60.000	120.000	
	10	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	65.000	13.000	
	11	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	296,00	5.300	1.568.800	Phát sau bữa cơm trưa
Tổng						6.808.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đức Thiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập